

Số: 1788/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn giảm học phí học kỳ I, năm học 2025 - 2026
cho sinh viên năm thứ nhất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 04/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTTĐHYD ngày 14/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông báo số 1013/TB-ĐHYD ngày 27/8/2025 của trường Đại học Y - Dược về việc thực hiện các chế độ chính sách học kỳ I, năm học 2025 - 2026 cho sinh viên năm thứ nhất;

Căn cứ kết luận của Hội đồng hợp xét chế độ chính sách cho sinh viên ngày 25/9/2025;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý người học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn giảm học phí học kỳ I, năm học 2025 - 2026 cho 83 sinh viên năm thứ nhất theo lộ trình học phí được quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó:

- Miễn 100%: 15 sinh viên
- Giảm 70%: 60 sinh viên
- Giảm 50%: 8 sinh viên

(Có danh sách và mức miễn giảm học phí đính kèm)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý người học, phòng Tài chính - Cơ sở vật chất, các Phòng chức năng có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để thi hành);
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, QLNH, MC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
PGS.TS. Trần Văn Tuấn



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Theo Quyết định số: 4788 /QĐ - ĐHYD ngày 02 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức miễn giảm theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	Tỉ lệ % MGHP quy đổi
1	DTY2557206030037	Nguyễn Thế Mạnh	10/10/2007	PHCN K2	Kinh Con người mắc BNN	50%	27,44%
2	DTY2557206030046	Nguyễn Minh Phương	01/06/2007	PHCN K2	Kinh Con người mắc BNN	50%	27,44%
3	DTY2557206030059	Đào Mai Thêu	04/11/2007	PHCN K2	Tày Hộ cận nghèo	100%	54,88%
4	DTY2557206030066	Nguyễn Thị Trang	22/07/2006	PHCN K2	Tày Hộ nghèo	100%	54,88%
5	DTY2557206020013	Hà Mỹ Duyên	19/08/2007	HA YH K2	Tày Xã DBKK	70%	38,416%
6	DTY2557206020015	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	25/10/2007	HA YH K2	Kinh Con người mắc BNN	50%	27,44%
7	DTY2557206020028	Đinh Minh Hữu	19/02/2007	HA YH K2	Mường Thôn DBKK	70%	38,416%
8	DTY2557206020031	Trần Đại Khương	01/05/2007	HA YH K2	Nùng Xã DBKK	70%	38,416%
9	DTY2557206020048	La Thị Nguyệt Nhi	12/03/2007	HA YH K2	Nùng Thôn DBKK	70%	38,416%
10	DTY2557206010013	Quảng Thị Linh Chi	21/12/2007	XN YH K9	Thái Thôn DBKK	70%	38,416%
11	DTY2557206010024	Phạm Thị Ngọc Hân	29/06/2007	XN YH K9	Nùng Thôn DBKK	70%	38,416%
12	DTY2557206010030	Nguyễn Văn Hợp	15/02/2007	XN YH K9	Tày Xã DBKK	70%	38,416%
13	DTY2557206010031	Lộc Thị Phương Huệ	08/04/2007	XN YH K9	Tày Thôn DBKK	70%	38,416%
14	DTY2557206010041	Vương Thị Ngọc Mai	01/01/2007	XN YH K9	Tày Hộ cận nghèo	100%	54,88%
15	DTY2557206010058	Triệu Nhất Thiên	10/11/2007	XN YH K9	Dao Thôn DBKK	70%	38,416%
16	DTY2557203020048	Lò Thị Nghiệp	23/01/2007	Hộ sinh K5	Thái Thôn DBKK	70%	38,416%
17	DTY2557203020053	Lương Thị Uyên Nhi	08/11/2007	Hộ sinh K5	Thái Xã DBKK	70%	38,416%
18	DTY2557203020070	Đào Thị Hải Yến	22/08/2007	Hộ sinh K5	Kinh Mỏ côi cha mẹ	100%	54,88%
19	DTY2557203010010	Lưu Nguyễn Mai Anh	19/05/2007	CNBD K22A	Tày Vùng DBKK	70%	38,416%
20	DTY2557203010040	Hoàng Diệu Châu	02/06/2007	CNBD K22A	Tày Xã DBKK	70%	38,416%

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức miễn giảm theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	Tỉ lệ % MGHQ quy đổi
21	DTY2557203010049	Quách Thị Hải	Chiều	CNĐD K22A	Mường Thôn ĐBK	70%	38,416%
22	DTY2557203010085	Quan Việt	Hà	CNĐD K22A	Tây Thôn ĐBK	70%	38,416%
23	DTY2557203010100	Bùi Thị Thảo	Hiền	CNĐD K22A	Mường Thôn ĐBK	70%	38,416%
24	DTY2557203010124	Nguyễn Lan	Hương	CNĐD K22A	Sán đù Thôn ĐBK	70%	38,416%
25	DTY2557203010169	Nông Thị Thảo	My	CNĐD K22A	Tây Xã ĐBK	70%	38,416%
26	DTY2557203010187	Nguyễn Thị Ngọc	Ngọc	CNĐD K22A	Nùng Hộ cận nghèo	100%	54,88%
27	DTY2557203010193	Ngọc Thị Nhân	Nhân	CNĐD K22A	Tây Xã ĐBK	70%	38,416%
28	DTY2557203010271	Lý Thị Tươi	Tươi	CNĐD K22A	Giáy Hộ cận nghèo	100%	54,88%
29	DTY2557203010238	Hoàng Thanh	Thủy	CNĐD K22A	Tây Xã ĐBK	70%	38,416%
30	DTY2557203010164	Đình Thùy	Máy	CNĐD K22B	Mường Thôn ĐBK	70%	38,416%
31	DTY2557203010206	Nông Thị Phường	Phường	CNĐD K22B	Nùng Hộ cận nghèo	100%	54,88%
32	DTY2557203010218	Nông Như Quỳnh	Quỳnh	CNĐD K22B	Nùng Thôn ĐBK	70%	38,416%
33	DTY2557203010224	Lý Thị Phương Thảo	Thảo	CNĐD K22B	Dao Xã ĐBK	70%	38,416%
34	DTY2557203010236	Trịnh Thị Thu	Thùy	CNĐD K22B	Tây Thôn ĐBK	70%	38,416%
35	DTY2557203010245	Hà Thị Hương	Trà	CNĐD K22B	Tây Thôn ĐBK	70%	38,416%
36	DTY2557203010006	Hà Hoàng Anh	Anh	CNĐD K22C	Tây Xã ĐBK	70%	38,416%
37	DTY2557203010057	Bé Thị Diệp	Diệp	CNĐD K22C	Tây Thôn ĐBK	70%	38,416%
38	DTY2557203010090	Hạ Việt	Hàng	CNĐD K22C	Kinh Con người TNLD	50%	27,44%
39	DTY2557203010105	Vương Thị Thu Hiền	Hiền	CNĐD K22C	Tây Thôn ĐBK	70%	38,416%
40	DTY2557203010111	Ma Hạnh Kim Huệ	Huệ	CNĐD K22C	Tây Thôn ĐBK	70%	38,416%
41	DTY2557203010162	Thảo Thị Mái	Mái	CNĐD K22C	Móng Thôn ĐBK	70%	38,416%
42	DTY2557203010231	Lâu Thị Tho	Tho	CNĐD K22C	Móng Xã ĐBK	70%	38,416%
43	DTY2557203010258	Nông Thị Huyền Trang	Trang	CNĐD K22C	Tây Hộ nghèo	100%	54,88%
44	DTY2557203010273	Quảng Thị Uyên	Uyên	CNĐD K22C	Thái Thôn ĐBK	70%	38,416%

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức miễn giảm theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	Tỉ lệ % MGHP quy đổi
45	DTY2557202010058	Đinh Thùy Dương	01/12/2007	Dược K21A	Tây Vùng DBKK	70%	36,897%
46	DTY2557202010106	Nguyễn Cúc Hương	01/11/2007	Dược K21A	Tây Xã DBKK	70%	36,897%
47	DTY2557202010008	Hoàng Tuấn Anh	23/10/2007	Dược K21B	Tây Thôn DBKK	70%	36,897%
48	DTY2557202010038	Hà Quỳnh Chi	01/09/2027	Dược K21B	Tây Thôn DBKK	70%	36,897%
49	DTY2557202010113	Lò Thị Lan	14/02/2007	Dược K21B	Thái Hộ nghèo	100%	52,71%
50	DTY2557202010116	Phạm Văn Lân	05/10/2007	Dược K21B	Kinh SV khuyết tật	100%	52,71%
51	DTY2557202010137	Chèo Yêu Mây	28/04/2007	Dược K21B	Dao Hộ cận nghèo	100%	52,71%
52	DTY2557202010188	Lò Thị Thu	10/05/2007	Dược K21B	Thái Thôn DBKK	70%	36,897%
53	DTY2557202010153	Lương Thảo Nguyên	05/07/2007	Dược K21C	Thái Thôn DBKK	70%	36,897%
54	DTY2557205010007	Phạm Hoàng Anh	24/02/2007	RHM K18A	Tây Thôn DBKK	70%	36,897%
55	DTY2557205010055	Hoàng Quỳnh Như	11/05/2007	RHM K18A	Tây Xã DBKK	70%	36,897%
56	DTY2557205010038	Ma Trung Kiên	21/04/2007	RHM K18B	Tây Xã DBKK	70%	36,897%
57	DTY2557205010060	Lành Như Quỳnh	10/08/2007	RHM K18B	Tây Thôn DBKK	70%	36,897%
58	DTY2557201100106	Nguyễn Thị Thanh Thủy	13/11/2007	YHDP K19B	Kinh Con người TNLD	50%	32,395%
59	DTY2557201010627	Hứa Mai Anh	28/05/2007	K58A	Nùng Thôn DBKK	70%	36,897%
60	DTY2557201010010	Bùi Quốc Anh	28/02/2007	K58A	Mường Hộ nghèo	100%	52,71%
61	DTY2557201010621	Và Bá Xà	22/12/2007	K58A	H'mông Hộ cận nghèo	100%	52,71%
62	DTY2557201010244	Nguyễn Thu Huyền	06/07/2007	K58A	La chí Thôn DBKK	70%	36,897%
63	DTY2557201010415	Hoàng Hồng Nhung	07/09/2007	K58A	Nùng Thôn DBKK	70%	36,897%
64	DTY2557201010626	Vy Thị Bảo Yến	13/11/2006	K58B	Thái Thôn DBKK	70%	36,897%
65	DTY2557201010228	Phàng Tuấn Hùng	16/08/2006	K58C	Mông Thôn DBKK	70%	36,897%
66	DTY2557201010266	Nguyễn Tuấn Khải	23/10/2006	K58C	Tây Thôn DBKK	70%	36,897%
67	DTY2557201010462	Trần Hương Quỳnh	20/12/2007	K58C	Kinh Con người TNLD	50%	26,355%
68	DTY2557201010540	Hoàng Quốc Toàn	08/04/2006	K58C	Tây Thôn DBKK	70%	36,897%

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức miễn giảm theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	Tỉ lệ % MGHP quy đổi
69	DTY2557201010606	Bùi Thị Yến Vi	20/05/2007	K58C	Mường Hộ cận nghèo	100%	52,71%
70	DTY2557201010445	Nông Việt Quang	08/05/2006	K58D	Tây Thôn ĐBK	70%	36,897%
71	DTY2557201010580	Hoàng Vũ Anh Tuấn	12/09/2007	K58D	Tây Xã ĐBK	70%	36,897%
72	DTY2557201010149	Hà Trường Giang	16/05/2007	K58E	Tây Thôn ĐBK	70%	36,897%
73	DTY2557201010239	Phạm Quang Huy	23/11/2007	K58E	Kinh Con người TNLD	50%	26,355%
74	DTY2557201010590	Phùng Quang Tùng	06/10/2007	K58E	Dao Thôn ĐBK	70%	36,897%
75	DTY2557201010168	Lục Thúy Hạnh	20/07/2006	K58G	Tây Xã ĐBK	70%	36,897%
76	DTY2557201010288	Nông Thị Hương Lan	29/07/2007	K58G	Tây Xã ĐBK	70%	36,897%
77	DTY2557201010366	Long Thiên Mỹ	29/01/2007	K58G	Nùng Thôn ĐBK	70%	36,897%
78	DTY2557201010420	Quảng Thị Như	20/06/2007	K58G	Thái Thôn ĐBK	70%	36,897%
79	DTY2557201010483	Hoàng Phương Thanh	29/07/2007	K58G	Tây Thôn ĐBK	70%	36,897%
80	DTY2557201010116	Nguyễn Minh Dương	09/02/2007	K58I	Kinh Con người TNLD	50%	26,355%
81	DTY2557201010179	Nguyễn Thu Hiền	07/01/2007	K58I	Tây Hộ nghèo	100%	52,71%
82	DTY2557201010242	Lò Thị Huyền	16/01/2007	K58I	Thái Thôn ĐBK	70%	36,897%
83	DTY2557201010467	Ma Thịnh Sáng	23/03/2007	K58I	Tây Thôn ĐBK	70%	36,897%

Ấn định danh sách gồm 83 sinh viên được miễn giảm học phí.